

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện một số nội dung về Thông tin và Truyền thông trong
Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình Mục tiêu
quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Chương trình số 29-CTr/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy Gia Lai

về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kế hoạch số 2509/KH-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kế hoạch số 2302/KH-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 về việc Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 1290/KH-UBND ngày 01/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kế hoạch số 1334/KH-UBND ngày 05/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện một số nội dung về Thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, thông tin đối ngoại nhằm quảng bá hình ảnh Việt Nam nói chung, tỉnh Gia Lai nói riêng tới các nước có chung đường biên giới theo mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1191/QĐ-TTg.

2. Thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin được quy định tại Tiểu dự án 10.2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10 của Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

II. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

1. Sản xuất nội dung phục vụ công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại:

1.1. Nội dung sản phẩm thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; góp phần tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; bảo đảm các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển, đặc biệt là khu vực biên giới, đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước;

- Tuyên truyền về tiềm năng, thế mạnh, các chính sách thu hút đầu tư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới; các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới gắn với phát triển du lịch;

- Tuyên truyền về thành tựu của Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới; tình hình tội phạm khu vực biên giới; tội phạm công nghệ cao để nâng cao cảnh giác, phòng ngừa cho đồng bào dân tộc thiểu số; đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, lợi dụng không gian mạng nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu vực biên giới; những nỗ lực, quyết tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền của đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi.

1.2. Hình thức sản phẩm thông tin, tuyên truyền:

- Bản tin (thể hiện dưới dạng âm thanh, chữ viết, hình ảnh), tài liệu (thông

tin chuyên đề, số tay nghiệp vụ), tờ rơi, tờ gấp, áp phích, thư viện điện tử, video clip.

- Thực hiện in, nhân bản, phát hành, phát sóng, đăng các sản phẩm thông tin đối ngoại phục vụ đối tượng, địa bàn thụ hưởng.

1.3. Về ngôn ngữ:

Các sản phẩm tuyên truyền được sản xuất bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc thiểu số (Jrai, Bahnar), tiếng nước ngoài có chung đường biên giới (Campuchia) để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

1.4. Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thông tin tuyên truyền, thông tin đối ngoại cho cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới:

2.1. Đối tượng bồi dưỡng:

- Công chức phụ trách công tác thông tin đối ngoại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã có biên giới.

- Công chức phụ trách công/trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện cấp huyện, xã có biên giới.

- Cán bộ cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã ở địa bàn có biên giới.

2.2. Nội dung thực hiện:

- Xây dựng chương trình; biên soạn, số hóa, in, phát hành tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin đối ngoại cho các lực lượng tham gia hoạt động thông tin đối ngoại khu vực biên giới tỉnh Gia Lai.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn thông tin đối ngoại cho các đối tượng quy định tại Khoản 2.1, Mục 2, Phần II của kế hoạch này.

2.3. Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

III. THIẾT LẬP CÁC ĐIỂM HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Dự kiến số lượng điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin: 88 điểm; cụ thể:

- 1.1. Huyện Chư Puh: 06 điểm.
- 1.2. Huyện Chư Păh: 09 điểm.
- 1.3. Huyện Đúc Cơ: 04 điểm.
- 1.4. Huyện Đak Pơ: 04 điểm.
- 1.5. Huyện Ia Pa: 09 điểm.
- 1.6. Huyện Kông Chro: 14 điểm.
- 1.7. Huyện Phú Thiện: 07 điểm.
- 1.8. Huyện Chư Sê: 03 điểm.
- 1.9. Huyện Krông Pa: 11 điểm.
- 1.10. Huyện Chư Prông: 02 điểm.
- 1.11. Huyện Kbang: 04 điểm.
- 1.12. Thị xã An Khê: 01 điểm.
- 1.13. Huyện Mang Yang: 05 điểm.
- 1.14. Huyện Ia Grai: 01 điểm.
- 1.15. Huyện Đak Đoa: 08 điểm.

2. Địa điểm: Tại các xã thuộc khu vực III hoặc xã không thuộc khu vực III có thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai, mỗi xã 01 điểm (*tại Phụ lục 01 kèm theo Kế hoạch này*). Địa điểm cụ thể thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo thuận lợi cho người dân sử dụng, cụ thể như sau:

- 2.1. Có sẵn nhà kiên cố và hạ tầng công trình xây dựng.
- 2.2. Thuận tiện người dân đến tiếp cận, sử dụng dịch vụ.
- 2.3. Đảm bảo an toàn, an ninh về con người, tài sản, thiết bị.
- 2.4. Có nguồn điện ổn định.

3. Nội dung đầu tư:

3.1. Danh mục thiết bị cơ bản tại mỗi điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ứng dụng công nghệ thông tin (*Quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông*)

- Internet Tivi: 01 cái, được kết nối Internet;
- Amplifier (Amplify): 01 cái;
- Loa (phục vụ hội trường);
- Microphone (Micro);
- Bàn phím máy tính (có thể kết nối với Internet Tivi);
- Vật tư, thiết bị phụ trợ phục vụ công tác lắp đặt.

3.2. Các thiết bị nêu trên phải đảm bảo cấu hình kỹ thuật được quy định

tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3.3. Tập huấn kiến thức, kỹ năng khai thác, vận hành trang thiết bị đầu tư tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin cho ít nhất 02 cán bộ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3.4. Cung cấp dịch vụ truy nhập internet băng rộng tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2023-2025.

5. Hoạt động của điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin:

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin; tiếp cận thông tin về đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước qua mạng internet; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; học tập, nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng sản xuất, phát triển kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hóa - xã hội, kiến thức về đảm bảo an ninh, trật tự cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân, bao gồm các nội dung chính: Kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng di động, nền tảng số, dịch vụ trực tuyến trên mạng internet; kỹ năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; kiến thức cơ bản về an toàn thông tin mạng và kỹ năng tự bảo vệ, chống các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho cá nhân; nhận diện một số hình thức lừa đảo trên mạng; kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính và các nội dung khác theo xu hướng phát triển công nghệ số; nhận diện các phương thức, thủ đoạn của tội phạm công nghệ cao để nâng cao ý thức cảnh giác, phòng ngừa cho nhân dân; kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, cảnh giác với các thông tin giả, sai sự thật, quan điểm sai trái, thù địch nhằm vào vùng dân tộc thiểu số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí để triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch này được phân bổ từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nội dung tại **Phần II** của Kế hoạch này.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận và gửi sản phẩm thông tin đối ngoại dưới dạng số hóa do địa phương thực hiện bằng nguồn kinh phí của Chương trình về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Thông tin đối ngoại) để

đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới.

2. Thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin:

2.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch; báo cáo kết quả, tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ theo quy định; kịp thời tổng hợp, báo cáo các khó khăn, vướng mắc để đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, tháo gỡ.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định.


- Quyết định phân bổ, điều chỉnh (nếu cần thiết) nguồn vốn trung ương bổ sung; nguồn kinh phí đối ứng (vốn sự nghiệp) ngân sách huyện để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2.2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế tại đơn vị.

*(Bảng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục 2
ban hành kèm theo Kế hoạch này)*

3. Hằng năm, các địa phương có trách nhiệm báo cáo thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gửi về Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 30/12 hằng năm kết quả thực hiện theo các biểu mẫu của *Phụ lục 3 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Kế hoạch này.***

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; yêu cầu các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai nghiên cứu triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, có hiệu quả và tiết kiệm. 

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc (báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Lịch